

Bản án số: **103/2020/HS-PT**

Ngày: 31-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Lê Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2020/TLPT-HS, ngày 03-11-2020, do có kháng cáo của bị cáo Danh Tuấn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2020/HS-ST, ngày 24-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo kháng cáo: Danh Tuấn K; Sinh năm 1988; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số A, đường K, khóm B, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Danh Ngọc D (chết) và bà Ngô Thị L, sinh năm 1967; Anh chị em ruột: có 02 người, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1995; Chung sống như vợ chồng với Thạch Thị Mỹ T, sinh ngày 29-9-1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào ngày 01-4-2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, chưa chấp hành thì bị bắt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 4 năm 2020 đến ngày 22 tháng 4 năm 2020 và chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Tuấn H, là luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Số C đường T, Phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Các bị cáo Thạch Thị Mỹ T (tên gọi

khác: M, C, Ch), Điền L; Người đại diện hợp pháp của bị cáo L là bà Kim Thị H; người làm chứng gồm NLC1, NLC2, NLC3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 40 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc trong khu vực Hẻm A, đường Q, khóm D, phường F, thành phố Sóc Trăng có một số đối tượng nghi vấn có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nên Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Sóc Trăng kết hợp với Công an phường F, thành phố Sóc Trăng tiến hành xác minh kiểm tra và phát hiện Điền L đang điều khiển xe mô tô biển số 83FE-08XX đi từ trong Hẻm A hướng ra Q, có dấu hiệu nghi vấn nên đã yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra. Trong lúc Công an kiểm tra, L bỏ 01 bịch nylon màu trắng được hàn kín bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng xuống dưới mặt đường ngay chỗ L dừng xe, nghi vấn là ma túy nên Công an đã tiến hành bắt giữ L cùng tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 46/GĐMT-PC09, ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: mẫu tinh thể rắn màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1269 gam, loại Methamphetamine.

Bị cáo L khai nhận, bịch nylon màu trắng được hàn kín bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng Công an thu giữ là ma túy đá. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/4/2020, L điều khiển xe mô tô biển số 83FE-08XX đi từ nhà của mình tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đến nhà của Danh Tuấn K (K) tại Số A, đường K, khóm B, phường C, thành phố Sóc Trăng để mua ma túy về sử dụng. Khi đến nhà của K thì L gặp Thạch Thị Mỹ T đang ở trong nhà, L hỏi mua 85.000 đồng ma túy đá. T đi vào bên trong một lúc rồi quay ra đem bịch ma túy đá để cạnh cửa sổ kêu L lấy và L đưa cho T 85.000 đồng. Sau khi có được ma túy, L cầm trên tay trái và điều khiển xe định chạy ra Q để đi về nhà của mình tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để sử dụng. Khi đến trước khu vực nhà số B Quốc Lộ 1, khóm D, phường F, thành phố Sóc Trăng thì bị Công an kiểm tra và bắt quả tang số ma túy vừa mới mua. Ngoài ra L còn khai nhận, ngoài lần mua ma túy bị bắt quả tang thì trước đó vào khoảng đầu tháng 4 năm 2020, L cùng với NLC3 (Kh) là bạn của L có đến nhà của K hỏi mua ma túy, nhưng NLC3 là người trực tiếp vào mua, T là người đưa ma túy cho NLC3 và là người trực tiếp lấy tiền, còn L đậu xe bên ngoài cách nhà K khoảng 05 mét đến 10 mét đợi NLC3 đi ra. Sau khi có được ma túy, cả hai điều khiển xe về nhà sử dụng.

Bị cáo Thạch Thị Mỹ T khai nhận: T và K chung sống với nhau như vợ chồng, số ma túy Công an bắt quả tang là của K kêu T đưa cho L và lấy tiền. Vào buổi chiều ngày 15 tháng 4 năm 2020, L có đến nhà của K hỏi mua ma túy. Khi đến nhà K, L đứng trước cửa sổ hỏi K có ở nhà không, lúc này K ngủ ở trong phòng nên T mới trả lời “K ngủ rồi”, sau đó T hỏi L tìm K có việc gì

không, L trả lời “còn đồ không, chia em 150.000 đồng” tức là hỏi còn ma túy không bán cho L 150.000 đồng, T nói “để hỏi K lại”, sau đó T đi vào phòng nơi K đang ngủ hỏi K. Do trong lúc T nói chuyện cùng với L, K chưa ngủ nên nghe rõ nội dung, vì vậy khi T bước vào phòng, K chỉ T chỗ để bạch ma túy, kêu T đưa cho L và kêu T lấy 100.000 đồng. Sau đó T lấy bạch ma túy ra để ngay cạnh cửa sổ, lúc này L đưa tiền cho T trước nhưng T không có đếm là bao nhiêu tiền, sau đó L lấy bạch ma túy rồi lên xe chạy về nhà. Ngoài ra T còn khai nhận trước đó từ đầu tháng 4/2020 đến ngày 15-4-2020, K đã kêu T đem ma túy bán 04 lần cho 03 người, trong đó bán cho Điền L (01 lần), NLC3 (01 lần) và NLC2 (02 lần).

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu Danh Tuấn K thừa nhận vào ngày 15 tháng 4 năm 2020, K có kêu T đem ma túy bán cho Điền L và lấy tiền đưa lại cho K. Nguồn gốc ma túy có được là do K mua của một người nam thanh niên không rõ họ tên và địa chỉ trong hẻm đường V, phường D, thành phố Sóc Trăng vào ngày 13-4-2020. Sau khi đã sử dụng xong một ít, một ít còn lại K cất giấu và đến ngày 15-4-2020, L đến mua và bán lại cho L. Ngoài ra K còn thừa nhận trước đó K còn bán ma túy cho nhiều người, T là người giao ma túy và là người trực tiếp lấy tiền rồi đưa lại cho K. Số tiền bán ma túy có được, K có đưa cho T để T mua đồ ăn, thức uống trong sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên sau đó K thay đổi lời khai cho rằng ngày 15-4-2020, không có kêu T đem ma túy bán Điền L và bản thân K trước đó không có bán ma túy cho bất cứ ai và cũng không có việc kêu T bán ma túy và lấy tiền đưa cho K.

* Tại Bản án sơ thẩm số 84/2020/HS-ST, ngày 24-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, quyết định:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Danh Tuấn K.

- Tuyên bố bị cáo Danh Tuấn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo Danh Tuấn K 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 4 năm 2020.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về căn cứ pháp luật, mức hình phạt đối với các bị cáo khác; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 07-10-2020, bị cáo Danh Tuấn K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo với lý do gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và bản thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Kiệt chỉ thừa nhận hành vi phạm tội của mình một lần vào ngày 15-4-2020 cùng với Thạch Thị Mỹ T bán ma túy, chứ không mua bán nhiều lần như cấp sơ thẩm đã xét xử và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo chưa có tiền án; Đối với tình tiết định khung phạm tội nhiều lần là chưa đủ căn cứ vì những người làm chứng khai có mua ma túy của K nhiều lần nhưng bị cáo K khai không có bán ma túy cho những người này, do K không thừa nhận nên không thể áp dụng tình tiết định khung phạm tội nhiều lần tại điểm b khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bị cáo chỉ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh Tuấn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Danh Tuấn K lập ngày 06-10-2020 và được Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng xác nhận vào ngày 07-10-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Kiệt về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Kiệt như sau: Bị cáo cùng bị cáo T đã bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Điền L trong ngày 15-4-2020. Ngoài lần bắt quả tang, các bị cáo còn bán trái phép chất ma túy cho NLC3 01 lần, NLC2 02 lần, bị cáo T là người gặp trực tiếp những người này giao ma túy và nhận tiền, tất cả các lần bị cáo Danh Tuấn K đều đồng ý. Sau khi bán ma túy cho con nghiện, số tiền có được bị cáo T giao lại cho bị cáo K cất giữ. Mặc dù, tại phiên tòa hôm nay bị cáo không thừa nhận các lần mua bán ma túy trước đó của bị cáo cùng với bị cáo T nhưng lời khai thừa nhận của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và lời khai người làm chứng NLC3, NLC2, Điền L, NLC1 và cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại tòa bị cáo cũng thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do bị cáo tự nguyện khai, không ai ép buộc, bị cáo khai là để nhận tội thay cho bị cáo T nhưng tại tòa bị cáo lại khai là có mâu thuẫn với bị cáo T nên thấy rằng lời khai này của bị cáo là không căn cứ, mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo; bị cáo cũng thừa nhận giữa bị cáo và các bị cáo khác cũng không có mâu thuẫn gì với nhau. Từ đó thấy rằng lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là có căn cứ và đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bị cáo K đã cùng bị cáo T bán ma túy 04 lần là thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo 10 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo: Thấy rằng khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo có một tiền sự chưa được xóa tiền sự, đồng thời trong vụ án này bị cáo giữ vai trò chính, chính bị cáo là người mua ma túy về sử dụng và cùng bị cáo Trang bán ma túy cho các con nghiện. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét xử phạt bị cáo mức án 10 năm tù là có căn cứ tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm án với lý do hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Tại tòa bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là bị cáo chưa có tiền án theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, do bị cáo không thừa nhận có bán ma túy nhiều lần. Như đã phân tích trên thì bị cáo đã có một tiền sự là bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo chưa chấp hành và cũng chưa được xóa tiền sự nên thuộc trường hợp nhân thân xấu và không đủ điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ với lý do này. Đồng thời, như phân tích trên đủ cơ sở chứng minh bị cáo bán chất ma túy nhiều lần cùng với bị cáo Trang nên đề nghị của người bào chữa là không áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa; áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Danh Tuấn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Danh Tuấn K phải chịu là 200.000 đồng.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Danh Tuấn K.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Danh Tuấn K 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-4-2020.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Danh Tuấn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND TP. Sóc Trăng (02);
- VKSND TP. Sóc Trăng (01);
- CQĐT - Công an TP. Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an TP. Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng (01);
- Bị cáo; NBC (02).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu HS, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Tôn Thị Thanh Thúy